

Bản án số: 143/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Thanh Hồng;

Bà Lê Thị Chí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1073/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Đinh Thị Hồng G, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số 1/3 đường Nguyễn S, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1981; Địa chỉ thường trú: 1/3 đường Nguyễn S, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Đinh Thị Hồng G trình bày:*

Bà G và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05/12/2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2013 do ông T không chăm lo làm ăn và ông không có trách nhiệm với vợ, con. Vợ chồng không có tiếng nói

chung, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Bà và ông T đã ly thân. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung

1/ Nguyễn Thụy Linh Đ, sinh ngày 26/11/2009;

2/ Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/11/2012.

Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thụy Linh Đ và Nguyễn Minh V. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G trình bày không có nên Tòa án không giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng T đã được Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập ông T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T vắng mặt. Sau đó, Tòa án niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T nhưng ông T không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy bà G và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay mà không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G được ly hôn với ông T

Về con chung: Giao cho bà G trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thụy Linh Đ, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/11/2012. Bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông T cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 300, quyển số 01 ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị Hồng G và ông Nguyễn Trọng T là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà G, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có trách nhiệm thương yêu, tôn trọng, chia sẻ công việc gia đình. Theo lời trình bày của bà G thì ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và cuộc sống chung không hòa hợp. Tòa án đã triệu tập ông T tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà G và ông T hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông T không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà G.

Qua kết quả xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không ghi nhận được mâu thuẫn.

Từ những nhận định trên, trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng G.

[3] Về người trực tiếp nuôi con: Giao bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Thụy Linh Đ, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/11/2012.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Hồng G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Hồng G ly hôn ông Nguyễn Trọng T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 300, quyển số 01 ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Nguyễn Thụy Linh Đ, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/11/2012 cho đến khi 02 trẻ lần lượt đủ 18 tuổi. Bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Đinh Thị Hồng G phải chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu số 0026880 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6/ Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Hoàng Thị Chinh**